

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Phú Tài đến ngã ba Long Vân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (phía Bắc – đợt 3)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1633/TTr-STNMT ngày 24/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D, đoạn từ ngã ba Phú Tài đến ngã ba Long Vân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (phía Bắc – đợt 3) tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 3.987.417.000 đồng (ba tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm mười bảy ngàn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 3.897.232.300 đồng;
- Thuởng giao trả mặt bằng sớm (nếu có): 12.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 78.184.700 đồng (bao gồm phí thẩm định 0,2% là 7.815.000 đồng, trong đó có phí thẩm định của Sở TN&MT là 5.470.000 đồng).

Nguồn kinh phí chi trả: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác.

Điều 2. Giao Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Am*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GTVT (b/c);
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K7.



Hồ Quốc Dũng



Phụ lục

Giá trị bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 19 đoạn từ ngã ba Phú Tài đến ngã ba Long Vân (phía Bắc – đợt 3)
(Kèm theo Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)
ĐVT: đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Thưởng giao trả mặt bằng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ
A. Những trường hợp có GCN QSD đất			274.00	7.000.000	2.364.039.264
1	Huỳnh Thị Ngọc Hạnh, con Trần Huỳnh Quốc Sỹ ĐDKK	KV1, P.TQD	34.40	1.000.000	144.926.850
2	Phan Thanh Liêm; Vợ: Nguyễn Thị Lệ Thanh	KV1, P.TQD	91.10	1.000.000	1.025.743.468
3	Đỗ Văn Hớn, vợ Nguyễn Thị Liễu	KV1, P.TQD	20.70	1.000.000	277.758.389
4	Huỳnh Thị Bản, con Lê Thị Đoan Trang ĐDKK	KV1, P.TQD	60.10	1.000.000	225.813.540
5	Hồ Văn Bá, vợ Trần Thị Phải	KV1, P.TQD	27.20	1.000.000	319.684.640
6	Trần Ngọc Kim vợ: Cao Thị Thiên Hồng	KV1, P.TQD	10.10	1.000.000	150.376.578
7	Phan Vĩnh Phước + Lê Mênh	KV9, P. TQDiệu	17.60	1.000.000	173.428.400
8	Nguyễn Trung Thành, vợ Trương Thị Hương	KV9, P. TQDiệu	12.80		46.307.400
B. Những trường hợp không có GCN QSD đất			173.80	5.000.000	1.530.121.758
9	Nguyễn Thị Trước	KV1, P.TQD	28.90	1.000.000	107.990.760
10	Nguyễn Phùng	KV1, P. TQDiệu	38.20	1.000.000	558.524.440
	Nguyễn Phùng	KV1, P. TQDiệu	19.00	1.000.000	266.245.583
11	Trần Em, vợ Phạm Thị Thu	KV1, P. TQDiệu	17.70	1.000.000	204.955.360
12	Nguyễn Văn Bảo	KV1, P. TQDiệu	34.50		165.926.800
13	Hồ Thị Năm	KV9, P. TQDiệu	35.50	1.000.000	226.478.815
C. Tổ chức, đơn vị			22.60		3.071.250
14	Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á, chi nhánh Bình Định	P. Trần QDiệu	22.60		3.071.250
	Tổng cộng		470.40	12.000.000	3.897.232.272
	Làm tròn				3.897.232.300

DVT

Am